

# VẤN ĐỀ THA HÓA LAO ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HẠN CHẾ THA HÓA LAO ĐỘNG TRONG CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN SANG\*  
HỒ CÔNG THANH\*\*  
NGUYỄN LÊ ĐẠI DƯƠNG\*\*\*

**Tóm tắt:** Bài viết tiếp cận hiện tượng tha hóa lao động từ triết học Mác, coi đây là quá trình lịch sử - xã hội mà trong đó con người bị tách rời khỏi bản chất người trong chính hoạt động lao động - hình thức sáng tạo đặc trưng nhất. Trong bối cảnh kinh tế số và tự động hóa, các biểu hiện tha hóa trở nên tinh vi và khó nhận diện hơn. Dựa trên nền tảng chủ nghĩa duy vật lịch sử, bài viết khảo sát các văn kiện Đảng từ Đại hội VI đến XIII để làm rõ định hướng tư tưởng và chính sách nhằm hạn chế tha hóa lao động. Quan điểm lấy con người làm trung tâm và lao động là môi trường phát triển nhân cách, phẩm giá, năng lực sáng tạo được thể hiện xuyên suốt, góp phần khẳng định chiều sâu nhân văn trong chính sách phát triển con người hiện nay.

**Từ khóa:** Chính sách phát triển con người; chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa tư bản; Đảng Cộng sản Việt Nam; tha hóa lao động.

**Abstract:** This article examines the phenomenon of labor alienation through the lens of Marxist philosophy, identifying it as a socio-historical process wherein individuals become estranged from their human essence within labor—the most distinctive human form of creativity activity. In the era of the digital economy and automation, expressions of alienation have grown increasingly subtle and difficult to detect. Grounded in the framework of historical materialism, the study analyzes Party documents from the 6th through the 13th National Congress of the Communist Party of Vietnam to clarify ideological orientations and policy directions aimed at limiting labor alienation. The persistent emphasis on a human-centered approach and the conceptualization of labor as a space for the development of personality, dignity, and creative potential reflects the profound humanistic depth underlying contemporary human development policies.

**Keywords:** Human development policy; Socialism; Capitalism; Communist Party of Vietnam; Labor alienation.

Ngày nhận bài: 15/01/2026; Ngày sửa bài: 10/3/2026; Ngày duyệt đăng bài: 20/4/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Trong xã hội hiện đại, lao động không chỉ thay đổi về phương thức tổ chức mà còn biến chuyển về giá trị và cảm nhận chủ quan của con người. Sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và mô hình lao động linh hoạt mang lại hiệu quả mới nhưng đồng thời gây ra nguy cơ con người bị tách rời khỏi lao động - hoạt động vốn mang tính bản chất.

Khái niệm “tha hóa lao động” trong di sản tư tưởng của C. Mác tiếp tục là công cụ hữu hiệu để nhận diện các hiện tượng xã hội đương đại. Tha hóa không chỉ là vấn đề tâm lý hay kinh tế, mà là sự rạn nứt trong mối quan hệ giữa con người với quá trình tự khẳng định mình thông qua lao động. Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam - có thể nhận

\* TS. Trường Đại học Vinh; Email: sangnv@vinhuni.edu.vn

\*\* ThS. Đại học Tài chính - Marketing; Email: hocongthanh1993@gmail.com

\*\*\* NCS. Ngành Chính trị học, Trường Đại học Vinh; Email: tg.duongnld@hcmue.edu.vn

diện những nguy cơ tha hóa mới trong bối cảnh CNH, HĐH và chuyển đổi số.

Từ đó, việc khảo sát các chủ trương, chính sách của Đảng từ Đại hội VI đến XIII giúp làm rõ định hướng hạn chế tha hóa, khẳng định vai trò và phẩm giá người lao động, hướng đến môi trường lao động nhân văn. Bài viết kết hợp phân tích lý luận Mác-xít với nghiên cứu văn kiện Đảng nhằm góp phần làm rõ chiều sâu nhân văn trong định hướng phát triển con người toàn diện ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Lý luận của chủ nghĩa Mác về tha hóa lao động

### 2.1. Tha hóa lao động trong chủ nghĩa tư bản từ góc nhìn triết học duy vật lịch sử

Trong hệ thống triết học duy vật lịch sử, lao động được xác lập như yếu tố nền tảng kiến tạo bản chất người. Khác với các quan niệm duy tâm - vốn cho rằng con người là sản phẩm của ý niệm siêu hình hay là sự biểu hiện của Tinh thần tuyệt đối - chủ nghĩa duy vật lịch sử xác lập rằng bản chất con người chỉ có thể được hình thành và phát triển thông qua thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn lao động.

Tuy nhiên, chính trong quá trình lao động - đặc biệt là dưới điều kiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - bản chất người lại bị biến dạng. Mác chỉ rõ: trong xã hội tư bản, lao động không còn là hoạt động tự do và sáng tạo, mà trở thành hoạt động cưỡng bức, tách con người ra khỏi chính bản chất của mình. Tha hóa lao động (*entfremdete Arbeit*) được ông xác định là hiện tượng mà người lao động bị tách khỏi sản phẩm, quá trình và tính xã hội vốn có của lao động.

Trước hết, sản phẩm của lao động - lẽ ra là sự vật hóa của bản chất con người

- lại trở thành một vật thể xa lạ, đối lập và chi phối chính chủ thể sáng tạo ra nó. Mác viết: “Công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta càng có thể tiêu dùng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách. Sản phẩm của anh ta tạo dáng càng đẹp thì anh ta càng quy quạc; vật do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man. Lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên”<sup>1</sup>.

Không dừng lại ở sản phẩm, bản thân quá trình lao động cũng mang tính tha hóa. Người công nhân không làm chủ được hành vi sản xuất của mình và mỗi hoạt động lại là sự phủ định bản thể. Lao động trở thành nơi mà con người đánh mất tự chủ trong chính năng lực sống của mình: “Nếu sản phẩm của lao động không thuộc về công nhân, nếu nó đối lập với công nhân như một lực lượng xa lạ... thì sản phẩm đó thuộc về người khác... Nếu hoạt động của công nhân là nơi khổ dày vò bản thân anh ta thì hoạt động đó chắc chắn nó mang lại *khoái lạc* và thú vui cho một người khác nào đó”<sup>2</sup>.

Từ đó, tha hóa lao động không chỉ là một hiện tượng mang tính kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình đánh mất bản thể, có chiều sâu bản thể luận. Lao động bị tha hóa kéo theo sự tha hóa toàn diện: từ thân thể, tinh thần, cho đến tính loài - tức năng lực sống cộng đồng, sáng tạo và ý thức lịch sử. Mác khẳng định: “Lao động bị tha hóa làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất nhân loại của con người, trở thành xa lạ với con người”<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 42, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 251.

<sup>2</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 42, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 260.

<sup>3</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 42, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 258.

## **2.2. Các hình thức tha hóa lao động theo quan điểm của triết học duy vật lịch sử**

Tính chất của lao động trong chế độ tư bản là sự tách rời toàn diện: con người không còn thuộc về chính mình mà thuộc về những gì chính họ tạo ra. Lao động, thay vì là quá trình hiện thực hóa năng lực sáng tạo và bản chất người, lại trở thành không gian của sự lệ thuộc, cưỡng bức và đánh mất tính người.

Từ những phân tích về bản chất của tha hóa lao động, có thể thấy rằng hiện tượng này không diễn ra đơn tuyến mà biểu hiện thành nhiều cấp độ và phương diện khác nhau. Trong Bản thảo Kinh tế - Triết học năm 1844, C. Mác đã hệ thống hóa hiện tượng này thành bốn hình thức tha hóa cơ bản, phản ánh toàn diện sự tha hóa cấu trúc mà chế độ tư bản chủ nghĩa áp đặt lên con người trong đời sống lao động.

*Thứ nhất*, tha hóa khỏi sản phẩm lao động. Trong điều kiện sản xuất tư bản chủ nghĩa, sản phẩm của lao động - thay vì là kết tinh của sức sáng tạo và bản chất người - lại bị chiếm đoạt, trở thành một thực thể xa lạ với chính người đã làm ra nó. Người lao động không còn nhìn thấy bản thân mình trong sản phẩm, không còn kiểm soát hay sở hữu thành quả do chính mình tạo ra. Mối quan hệ giữa con người và sản phẩm lao động bị đảo ngược: cái được sinh ra từ hoạt động lao động lại quay trở lại để thống trị, chi phối và phủ định người lao động.

Sự tách rời này không chỉ là mất mát quyền sở hữu, mà còn là một sự tha hóa mang tính bản thể. Người công nhân dần đánh mất mối liên hệ hữu cơ với thành quả lao động, cảm thấy mình xa lạ với quá trình sản xuất, và không còn nhận ra giá trị của bản thân trong những gì mình tạo ra. Sản phẩm của lao động - thay vì củng

cố nhân cách và phẩm giá - lại trở thành minh chứng cho sự lệ thuộc, cho tình trạng bị tước đoạt và bị hàng hóa hóa của chính người lao động.

Trong cơ chế đó, lao động không còn là phương tiện để con người hiện thực hóa bản chất của mình, mà trở thành công cụ tái sản xuất cho sự vận hành của tư bản. Giá trị mà người lao động tạo ra không thuộc về họ, mà được chuyển hóa thành lợi nhuận cho giai cấp chiếm hữu, làm sâu sắc thêm sự bất bình đẳng và củng cố sự tha hóa như một điều kiện vận hành tất yếu của CNTB.

*Thứ hai*, tha hóa khỏi quá trình lao động. Không chỉ mất quyền sở hữu sản phẩm, người lao động còn bị tước đoạt quyền kiểm soát đối với chính hoạt động của mình. Nếu trong điều kiện tự do, lao động là sự khẳng định bản thân, thì dưới chế độ tư bản, nó trở thành một hình thức cưỡng bức. Người công nhân không còn làm việc như một con người toàn vẹn, mà như một bộ phận cơ giới trong hệ thống sản xuất. Họ bị đồng nhất với chức năng sản xuất, đánh mất tính sáng tạo và khả năng tự chủ trong công việc. Lao động không còn là phương tiện để thể hiện đời sống tinh thần của con người, mà trở thành nơi phủ định chính bản chất người.

C. Mác mô tả sâu sắc trạng thái này như sau: “Lao động là cái gì đó bên ngoài đối với người công nhân, không thuộc bản chất của anh ta; trong lao động của anh ta, anh ta không khẳng định mình mà phủ định mình, không cảm thấy mình sung sướng, mà cảm thấy mình khổ sở, không phát huy một cách tự do nghị lực thể chất và tinh thần của mình, mà làm kiệt quệ thân thể của mình và phá hoại tinh thần của mình. Cho nên chỉ có ở ngoài lao động, công nhân mới cảm thấy mình là chính mình, còn trong quá trình lao động thì cảm thấy mình bị tách khỏi bản thân mình”<sup>4</sup>.

<sup>4</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 42, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 252.

Trong hoàn cảnh ấy, lao động không còn là hoạt động sống, mà là sự mất mát đời sống. Người công nhân chỉ thực sự sống ngoài lao động - tức là khi không làm việc, còn khi lao động thì chỉ tồn tại như một công cụ sản xuất. Do vậy, lao động trở thành hoạt động “bất đắc dĩ”, bị áp đặt từ bên ngoài, tước mất khả năng tự quyết và tính người của chính người lao động.

*Thứ ba*, tha hóa khỏi bản chất người. Chủ nghĩa duy vật lịch sử xác định bản chất con người không chỉ bằng đặc điểm sinh học, mà chủ yếu ở năng lực sáng tạo có ý thức, khả năng sản xuất xã hội và tính cộng đồng. Con người là thực thể tự tạo ra mình thông qua thực tiễn - mà tiêu biểu nhất là lao động. Tuy nhiên, trong chế độ tư bản, lao động - thay vì là hoạt động hiện thực hóa bản chất người - lại trở thành quá trình làm cho con người đánh mất chính mình.

Khi người công nhân không còn lao động như một chủ thể sáng tạo, mà như một mắt xích bị động trong hệ thống sản xuất, thì chính bản chất người - với đầy đủ các phẩm tính như tự do, sáng tạo, xã hội tính - cũng bị phủ định. Lao động không còn là sự biểu hiện của tính người, mà là phương tiện sinh tồn tối thiểu trong một cơ chế áp đặt. Con người bị giới hạn vào vai trò công cụ, đánh mất mối liên hệ với cộng đồng, với tự nhiên, và với chính bản thân mình như một chủ thể có ý thức.

Sự tha hóa khỏi bản chất người là một hình thức tha hóa sâu sắc nhất, bởi nó không chỉ làm suy giảm địa vị xã hội của người lao động, mà còn làm tổn thương đến chính năng lực hiện sinh, khả năng phát triển và tính toàn vẹn của con người như một thực thể xã hội - lịch sử.

*Thứ tư*, tha hóa khỏi đồng loại. Lao động không chỉ là quan hệ giữa cá nhân và thế giới, mà còn là quan hệ xã hội. Trong trạng

thái lao động tự do, con người khẳng định mình trong cộng đồng. Tuy nhiên, trong CNTB, quan hệ sản xuất dựa trên sự đối kháng giai cấp đã khiến quan hệ giữa con người với con người trở nên tha hóa. Người lao động cạnh tranh với nhau để sinh tồn, thay vì hợp tác cùng phát triển. Sự phân công lao động, quản trị kỹ trị và áp lực năng suất tạo ra môi trường làm việc nơi con người trở nên cô lập, đối lập, và nghi kỵ lẫn nhau. C. Mác chỉ ra rằng trong điều kiện ấy, tha hóa lao động đồng thời là tha hóa xã hội - nơi tính cộng đồng và khả năng liên kết của người lao động bị triệt tiêu.

Từ bốn hình thức tha hóa nêu trên, có thể thấy rằng sự tha hóa lao động trong CNTB không phải là hiện tượng đơn lẻ, mà là hệ quả tất yếu của kết cấu quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu tư liệu sản xuất. Ở đó, tư liệu sản xuất - công cụ để con người tạo ra thế giới của mình - không thuộc về họ, mà bị sở hữu bởi giai cấp tư bản. Người lao động chỉ còn lại sức lao động như một thứ hàng hóa, bị ép buộc bán để tồn tại. Quá trình này làm cho lao động - thay vì là không gian sáng tạo - trở thành một hoạt động xa lạ, nơi con người đánh mất chính mình. C. Mác đã nhấn mạnh rằng: giải phóng con người khỏi tha hóa không thể đạt được thông qua cải cách hình thức, mà đòi hỏi sự biến đổi tận gốc quan hệ sản xuất. Chỉ khi người lao động giành lại quyền sở hữu tư liệu sản xuất và tổ chức lại lao động như một hoạt động tự do, thì khi đó, lao động mới thực sự trở về với bản chất nhân văn đích thực của nó.

### **2.3. Nguyên nhân của tha hóa lao động theo quan điểm của triết học duy vật lịch sử**

Từ góc độ triết học duy vật lịch sử, C. Mác không xem tha hóa lao động như một hiện tượng tâm lý cá nhân hay hệ quả đạo đức thuần túy, mà xác định đó là biểu hiện

tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội trong đó quan hệ giữa con người bị quy định bởi những quy luật khách quan của sự chiếm hữu và trao đổi. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nơi quan hệ giữa người với người bị trung giới bởi vật - đặc biệt là hàng hóa và tiền tệ - thì sự tha hóa không còn là hiện tượng cục bộ, mà mang tính cơ cấu và phổ biến. Trên nền tảng phân tích lịch sử - vật chất, C. Mác đã chỉ ra ba nguyên nhân cốt lõi dẫn đến tình trạng tha hóa trong lao động dưới CNTB.

*Thứ nhất*, chế độ tư hữu tư liệu sản xuất là nguyên nhân mang tính nền tảng, quy định bản chất của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Khi tư liệu sản xuất - tức những điều kiện vật chất của quá trình lao động - bị tập trung trong tay thiểu số giai cấp chiếm hữu, thì người lao động buộc phải bán sức lao động để sinh tồn. Trong quá trình đó, sản phẩm họ tạo ra không còn thuộc về họ, mà trở thành một thực thể đối lập, mang tính xa lạ và thù địch. Đây là sự tước đoạt kép: vừa mất quyền sở hữu tư liệu sản xuất, vừa bị tách rời khỏi sản phẩm của chính mình - điều mà C. Mác nhận định là sự đánh mất bản chất người trong hành vi sáng tạo thực tiễn.

*Thứ hai*, sự phân công lao động mang tính cơ giới hóa góp phần làm sâu sắc hóa trạng thái tha hóa. Trong khi lao động vốn dĩ là hoạt động toàn diện của con người - kết tinh năng lực tư duy, sáng tạo và xã hội tính - thì trong CNTB, lao động bị chia nhỏ thành các thao tác đơn lẻ, lặp đi lặp lại, khiến người công nhân không còn thấy mình hiện diện trong sản phẩm cuối cùng. Sự mất kết nối giữa người lao động và quá trình sản xuất không chỉ giới hạn về mặt kỹ thuật, mà còn là sự tước đoạt tính tự chủ và sáng tạo - những yếu tố cấu thành bản chất người.

*Thứ ba*, quan hệ bóc lột trong sản xuất tư bản chủ nghĩa - mà biểu hiện trung tâm

là mục tiêu tối đa hóa giá trị thặng dư - đã đẩy người lao động vào vị thế hàng hóa hóa. Sức lao động bị định giá theo nguyên tắc thị trường, con người không còn được đối xử như một chủ thể xã hội mà như một yếu tố chi phí trong dây chuyền lợi nhuận. Trong kết cấu đó, giá trị nhân tính bị triệt tiêu, năng lực sống bị quy giản thành công cụ tái sản xuất tư bản. Lao động, vốn là phương thức hiện thực hóa con người, trở thành không gian bị chiếm dụng và kiểm soát hoàn toàn bởi tư bản.

### **3. Giá trị kế thừa và định hướng**

#### **3.1. Giá trị kế thừa của lý luận tha hóa trong bối cảnh hiện đại**

Lý luận về tha hóa lao động trong triết học Mác không chỉ là sự phản ánh một hiện tượng liên quan đến thời kỳ phát triển nhất định của CNTB, mà còn là kết quả của một phương pháp tiếp cận có tính hệ thống về quan hệ giữa con người với lao động, với sản phẩm do mình làm ra và với chính bản thân mình trong quá trình sản xuất vật chất. Nội dung nhân học và tính chất biện chứng sâu sắc của lý luận này cho phép nó không ngừng được kế thừa, phát triển và thích ứng trong nhiều bối cảnh lịch sử - xã hội khác nhau.

Về mặt kế thừa, tư tưởng của Mác khẳng định rằng lao động là yếu tố nền tảng làm nên bản chất người. Đồng thời, ông cảnh báo rằng khi bị tách khỏi tư liệu sản xuất, con người sẽ đánh mất khả năng hiện thực hóa bản thân thông qua lao động. Những hình thái tha hóa mà Mác mô tả - sự tách biệt giữa người lao động với sản phẩm, với hoạt động lao động, với đồng loại và với chính mình - tiếp tục là cơ sở lý luận quan trọng để phân tích các vấn đề xã hội hiện đại. Những phân tích này chỉ ra mối liên hệ không thể tách rời giữa cấu trúc kinh tế và sự hình thành ý thức, giữa điều kiện khách

quan của sản xuất và đời sống tinh thần của con người.

Tuy nhiên, sự vận động không ngừng của lực lượng sản xuất, đặc biệt là trong thời đại công nghiệp 4.0, đã làm nảy sinh những biểu hiện mới của hiện tượng tha hóa, đặt ra yêu cầu cập nhật và mở rộng nội dung của lý luận này. Lao động hiện đại - với sự chi phối của công nghệ cao, mô hình tổ chức linh hoạt và áp lực tăng trưởng liên tục - đang dần làm phai mờ những đặc trưng vốn có như tính cộng đồng, tính sáng tạo và tính ý nghĩa. Trong nhiều trường hợp, người lao động không kiểm soát được toàn bộ quá trình làm việc, không nhận diện được mục đích và giá trị xã hội của sản phẩm mình tạo ra, từ đó dễ rơi vào trạng thái cô lập, mất phương hướng và xa lạ với chính bản thân mình.

Sự tha hóa trong bối cảnh hiện đại không còn hiển lộ một cách trực diện như trong mô hình sản xuất công nghiệp cổ điển, mà trở nên vô hình, ẩn sâu trong các thuật toán, dữ liệu và quy trình tiêu chuẩn hóa của môi trường làm việc kỹ trị. Chính vì vậy, việc kế thừa và cập nhật lý luận tha hóa cần được triển khai trong sự liên hệ với các phương diện xã hội học, tâm lý học và văn hóa học của lao động đương đại. Đồng thời, vẫn cần giữ vững lập trường triết học Mác - đó là xem xét tha hóa như một hiện tượng mang tính lịch sử - giai cấp, có thể bị khắc phục thông qua sự biến đổi căn bản trong cấu trúc sản xuất và trong quan hệ giữa con người với con người.

Từ góc nhìn đó, lý luận tha hóa không chỉ đóng vai trò như một công cụ nhận thức về các vấn đề xã hội hiện đại, mà còn góp phần định hướng cho hành động chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng một mô hình phát triển con người toàn diện ở Việt

Nam. Trong bối cảnh đó, lý luận tha hóa không đơn thuần là sự tiếp nối lịch sử tư tưởng, mà còn là phương tiện để xác lập lại vị thế trung tâm của con người trong đời sống lao động và trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

### **3.2. Định hướng nhằm hạn chế sự tha hóa lao động trong chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Xác định tư tưởng cốt lõi lấy con người là trung tâm, lao động là động lực và mục tiêu phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Tiếp nối hệ hình lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam xác lập rõ quan điểm: phát triển là vì con người, do con người và vì sự hoàn thiện toàn diện của con người. Tư tưởng “lấy con người làm trung tâm, coi lao động là động lực và mục tiêu của phát triển” không chỉ thể hiện chiều sâu triết học về bản chất người, mà còn là cơ sở phương pháp luận cho hoạch định chiến lược và thiết kế thể chế trong điều kiện phát triển hiện nay.

Ngay từ Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848), C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”<sup>5</sup>. Trên nền tảng đó, V.I. Lênin bổ sung cách tiếp cận thể chế khi nhấn mạnh vai trò của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong tổ chức lại đời sống lao động - nơi “mọi người... đều có thể làm trọn được ‘những chức năng nhà nước’”<sup>6</sup>. Những quan điểm này không chỉ đề cao con người như chủ thể lịch sử, mà còn đặt lao động ở vị trí trung tâm của sự giải phóng và phát triển toàn diện cá nhân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp nối di sản đó, nhưng được cụ thể hóa sâu sắc trong điều

<sup>5</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 4, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 628.

<sup>6</sup> V. I. Lênin (2005); *Toàn tập*, Tập 33, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 144.

kiện Việt Nam. Người khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”<sup>7</sup>, nhấn mạnh sự thống nhất giữa cải tạo xã hội và phát triển con người. Với Người, chính quyền không phải một thiết chế hành chính trung lập, mà là “tổ chức của con người”, hoạt động trên nền tảng đạo đức và vì con người. Quan điểm “có tài phải có đức, đức là gốc”<sup>8</sup> thể hiện một triết lý nhân trị sâu sắc: rằng thể chế chỉ hiệu quả khi được vận hành bởi những con người phát triển hài hòa cả về phẩm chất và năng lực.

Tư tưởng này đã được thể chế hóa một cách ngày càng rõ nét trong các văn kiện chính trị của Đảng. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: “Phát triển con người toàn diện... để phát triển bền vững đất nước”<sup>9</sup>, trong đó con người không chỉ là mục tiêu mà còn là “động lực then chốt”, với các yêu cầu cụ thể về đạo đức, kỹ năng, tư duy hội nhập và trách nhiệm công dân<sup>10</sup>. Đây là bước phát triển rõ rệt trong tư duy phát triển - nơi chính sách giáo dục, kinh tế, lao động và văn hóa đều quy chiếu về mục tiêu phát triển con người toàn diện.

Từ đó, lao động không còn được hiểu đơn thuần như một công cụ sản xuất hay giá trị kinh tế, mà trở thành không gian trung tâm để con người tự khẳng định, đóng góp và trưởng thành. Khi gắn với hệ giá trị nhân văn, lao động trở thành nơi hiện thực hóa tự do - không bị tha hóa trong sản phẩm hay quan hệ, mà thể hiện qua sự sáng tạo, tự chủ và tương tác xã hội có ý nghĩa.

Tóm lại, tư tưởng “con người là trung tâm, lao động là động lực và mục tiêu phát triển” không chỉ là nguyên lý chính trị -

đạo đức, mà còn là nền tảng lý luận để Đảng xây dựng hệ thống chính sách hướng đến mô hình phát triển bao trùm, nhân văn và bền vững. Chính từ tư tưởng này, các định hướng nhằm hạn chế tha hóa lao động trong thời kỳ mới đã được xác lập như một yêu cầu tất yếu của quản trị phát triển hiện đại.

*Những định hướng cơ bản nhằm hạn chế sự tha hóa lao động trong chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Nếu tư tưởng “con người là trung tâm, lao động là động lực và mục tiêu phát triển” là nền tảng xuyên suốt trong đường lối phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, thì việc chuyển hóa tư tưởng đó thành hệ thống chính sách cụ thể chính là biểu hiện sinh động cho năng lực thiết kế thể chế trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Trong môi trường lao động hiện đại, tha hóa không còn giới hạn trong lệch chuẩn đạo đức nghề nghiệp, mà ngày càng biểu hiện rõ ở các cấp độ cơ cấu: từ sự hành chính hóa lao động, sự mất kiểm soát của chủ thể với quá trình làm việc, cho đến sự chi phối bởi các động lực tăng trưởng phi nhân văn.

Từ góc độ lý luận Mác-xít, đó là khi người lao động bị tách khỏi ý nghĩa, sản phẩm và giá trị xã hội của chính hoạt động sống cơ bản nhất - lao động. Tha hóa, trong ý nghĩa ấy, không thể khắc phục đơn thuần bằng cải thiện vật chất, mà đòi hỏi một hệ thống chính sách có năng lực tái cấu trúc môi trường lao động, nâng cao năng lực chủ thể và phục hồi tính nhân văn của lao động như một hình thức hiện thực hóa nhân cách con người. Đây cũng chính là chiều sâu tư

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh (2011); *Toàn tập*, Tập 13, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 66.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh (2011); *Toàn tập*, Tập 13, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 354.

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021); *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 204.

<sup>10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021); *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 233.

tưởng mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa, phát triển và từng bước thể chế hóa thành các định hướng cụ thể qua từng kỳ Đại hội.

*Thứ nhất*, Đảng chủ trương cải thiện điều kiện vật chất - kỹ thuật và tái thiết môi trường lao động theo hướng nhân bản. Từ Đại hội VI, khi bắt đầu công cuộc Đổi mới, Đảng đã nhấn mạnh vai trò của dạy nghề, đào tạo kỹ năng như một khâu đột phá để nâng cao giá trị con người lao động: “Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề...”<sup>11</sup>. Đến Đại hội X, tư tưởng này đã phát triển thành nguyên lý thể chế khi khẳng định: “Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội”<sup>12</sup>. Các chính sách an sinh, bảo hiểm xã hội, cải thiện đời sống công nhân trong khu công nghiệp... được thiết kế không chỉ để “giảm nghèo” mà còn để “phòng ngừa tái nghèo” - thể hiện một bước tiến chất trong quản trị môi trường lao động vì con người.

*Thứ hai*, Đảng xác định giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp và môi trường văn hóa là nhân tố quyết định để ngăn ngừa tha hóa tinh thần. Ngay từ Đại hội VII, yêu cầu xây dựng “môi trường sản xuất - công tác trở thành không gian nuôi dưỡng nhân cách con người mới” đã

được đề ra. Tư tưởng này được kế thừa và cụ thể hóa trong Đại hội XII với định hướng: Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống... Những định hướng ấy không chỉ hướng tới khơi dậy tinh thần nghề nghiệp, mà còn chống lại nguy cơ “vô cảm nghề nghiệp” - nơi người lao động thực hiện công việc như một thao tác kỹ thuật thuần túy, thiếu kết nối với giá trị cộng đồng và nhân tính.

*Thứ ba*, Đảng nhấn mạnh phát triển năng lực chủ thể - cả chuyên môn và sáng tạo - như một chiến lược dài hạn để “giải tha hóa” từ bên trong. Đại hội IX là một bước ngoặt quan trọng khi lần đầu đề cập yêu cầu “điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo lãnh thổ - ngành nghề” để phát triển nhân lực có tính chiến lược. Từ đây, tư tưởng phát triển “nguồn nhân lực chất lượng cao” trở thành trục xuyên suốt trong các Đại hội sau, được cụ thể hóa bằng mục tiêu xây dựng con người Việt Nam “có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”<sup>13</sup>. Trong tư duy đó, người lao động không bị bó hẹp trong chức năng sản xuất, mà được nhìn nhận như chủ thể sáng tạo, có quyền tự chủ, có khả năng học hỏi và thích ứng trước các biến động.

*Thứ tư*, Đảng chủ động kiểm soát nguy cơ tha hóa công nghệ - một dạng tha hóa hiện đại khi con người bị thay thế, bị điều tiết bởi máy móc hoặc bị lệ thuộc vào tốc độ sản xuất. Văn kiện Đại hội XIII xác định rõ nguyên tắc phát triển công nghệ

<sup>11</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2019); *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần I: Đại hội VI, VII, VIII, IX*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 89.

<sup>12</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2019); *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần II: Đại hội X, XI, XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 508.

<sup>13</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021); *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 233.

vì con người: “Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia”<sup>14</sup>. Hệ tư tưởng này đặt ra yêu cầu quản trị công nghệ trên nền tảng nhân văn - trong đó công nghệ không thay thế mà hỗ trợ con người phát triển, không ép buộc mà khơi dậy tiềm năng, không làm mất ý nghĩa mà khôi phục tính chủ thể trong lao động.

Từ Đại hội VI đến XIII, có thể nhận diện rõ một tiến trình tư duy và thể chế nhất quán: Đảng không chỉ khẳng định vai trò trung tâm của con người trong phát triển, mà còn thiết lập hệ thống chính sách đa chiều - từ môi trường vật chất, văn hóa, giáo dục đến sáng tạo công nghệ - nhằm chủ động phòng ngừa và khắc phục sự tha hóa trong lao động hiện đại. Đây không chỉ là biểu hiện của chính sách xã hội, mà còn là một chiến lược chính trị - nhân văn sâu sắc trong quản trị phát triển: nơi con người không bị đồng hóa vào máy móc, không bị tách khỏi sản phẩm của mình, mà thực sự trở thành chủ thể kiến tạo - đồng thời là giá trị tối hậu của mọi quá trình phát triển.

### Kết luận

Trong quá trình hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, tha hóa lao động không còn là hiện tượng cá biệt mà là nguy cơ mang tính cấu trúc, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và công nghệ. Từ góc nhìn Mác-xít, đây là sự rạn nứt giữa con người và bản chất sáng tạo của chính họ trong lao động. Do đó, hạn chế tha hóa cần được tiếp cận như một vấn đề thể chế - chính trị, chứ không chỉ là yêu cầu đạo đức - xã hội.

Dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác lập chính sách lấy con người làm trung tâm, chuyển hóa thành hệ thống thiết chế nhằm cải thiện điều kiện lao động, nâng cao năng lực chủ thể và kiểm soát nguy cơ tha hóa trong bối cảnh số hóa.

Tuy nhiên, để hoàn thiện, cần bổ sung tiêu chí đánh giá nhân văn, nghiên cứu biểu hiện tha hóa trong ngành nghề đặc thù, và thúc đẩy vai trò chủ động của người lao động trong quá trình xây dựng và giám sát chính sách. Đây là nền tảng cho một mô hình phát triển nhân văn, nơi con người thực sự là trung tâm và mục tiêu cuối cùng của phát triển.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 42, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995); *Toàn tập*, Tập 4, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
3. V. I. Lênin (2005); *Toàn tập*, Tập 33, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Hồ Chí Minh (2011); *Toàn tập*, Tập 13, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021); *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019); *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần I: Đại hội VI, VII, VIII, IX*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019); *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần II: Đại hội X, XI, XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

<sup>14</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2019); *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần II: Đại hội X, XI, XII*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 508